

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Công ty Điện lực Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Trung. - Địa chỉ: số 35 Phan Đình Phùng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. - Mã số thuế: 0400101394-039. - Tài khoản: 116.000.00.88.66 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng. - Điện thoại: 0236.2220501. - Số Fax: 0236.2220521. - Email: pcdanang.qldth@gmail.com.
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: - Tên công trình/dự án: <i>Chỉnh trang cáp viễn thông treo trên cột điện năm 2026</i>; - Tên gói thầu: <i>Gói thầu số CTC.2026: Cung cấp vật tư, phụ kiện và thi công chỉnh trang cáp viễn thông năm 2026</i>; - Địa điểm: trên địa bàn quản lý của các Điện lực trực thuộc thành phố Đà Nẵng. - Thông tin liên hệ với gói thầu khác trong dự án (nếu có): <i>Không</i>.
E-ĐKC 1.10	Địa điểm tại TP Đà Nẵng và được xác định trong: <i>Phương án thiết kế kèm theo thông báo mời thầu</i>.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: <i>Ngày công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng</i>.
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ công trình là: <i>Không quá 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực</i>.
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là : <i>Ngày được thông báo của Chủ đầu tư (bằng văn bản) sau khi đã bàn giao mặt bằng</i>.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>.
E-ĐKC 1.29	Tư vấn quản lý dự án: <i>Chủ đầu tư tự thực hiện qua phòng Kế hoạch trực thuộc Chủ đầu tư</i>. - Địa chỉ: <i>Số 35 Phan Đình Phùng, phường Hải Châu, TP Đà Nẵng</i>; - Điện thoại: <i>0236.2220501</i>; - Số Fax: <i>0236.2220521</i>. Tư vấn giám sát là: <i>Chủ đầu tư tự thực hiện hoặc do chủ đầu tư thuê (sẽ thông báo khi bàn giao mặt bằng)</i>. - Địa chỉ: <i>Số 35 Phan Đình Phùng, phường Hải Châu, TP Đà Nẵng</i>; - Điện thoại: <i>0236.2220501</i>; - Số Fax: <i>0236.2220521</i>.
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: <i>không</i>.
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - <i>Biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có)</i>; - <i>Thoả thuận liên danh (nếu là nhà thầu liên danh)</i>; - <i>Bảng tiến độ chi tiết đã được chủ đầu tư chấp thuận</i>. - <i>Các tài liệu kèm theo khác (nếu có)</i>.
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>3% giá hợp đồng</i>.

	- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: <i>Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày thứ 28 sau khi công trình được nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng và Nhà thầu đã chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</i> Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Nhà thầu vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. - Thời hạn nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng: <i>Không quá 07 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.</i> Trường hợp Nhà thầu là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 3% giá trị của hợp đồng cho Chủ đầu tư và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Nhà thầu phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% giá trị hợp đồng đối với mọi trường hợp. - Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) <i>Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực.</i> b) <i>Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng.</i> c) <i>Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</i> d) <i>Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng.</i> Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 16 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm: <i>28 ngày</i> trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong và nộp cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. <i>Trường hợp dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Nhà thầu phải khắc phục thì Nhà thầu phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</i>
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh bảo hành từ Nhà thầu.</i>

E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá <i>07 ngày</i> , kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu <i>07 ngày</i> , trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: <i>07 ngày</i> kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá <i>07 ngày</i> , kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT</i>].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: <i>10%</i> giá hợp đồng.
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: <i>Không</i> .
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: <i>Nhà thầu phải có nghĩa vụ mua bảo hiểm bằng tiền của Nhà thầu đối với phạm vi bảo hiểm bao gồm: Vật tư thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công của Nhà thầu; vật tư thiết bị lắp đặt cho công trình do Nhà thầu cung cấp, vật tư thiết bị Nhà thầu nhận từ Chủ đầu tư (nếu có) cho đến khi được lắp đặt đưa vào kết cấu công trình; người lao động của Nhà thầu; trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu trong quá trình thi công (chuẩn bị, thi công) cho đến hết thời gian bảo hành hạng mục công trình.</i>
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: <i>12 tháng</i> kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng, bàn giao. Bảo lãnh bảo hành: <i>Bảo lãnh bảo hành mà Nhà thầu gửi Chủ đầu tư phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng.</i> Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: <i>Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành.</i> <i>Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu.</i> <i>Trường hợp sửa chữa, thay thế hàng hóa trong thời gian bảo hành, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.</i> <i>Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Chủ đầu tư chấp nhận. Trước khi tiến hành sửa chữa, Nhà thầu phải gửi kế hoạch để Chủ đầu tư phối hợp thực hiện.</i> <i>Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Nhà thầu phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp</i>

	cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: <i>Theo E-ĐKC 1.7.</i>
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: <i>Ngày chủ đầu tư bàn giao mặt bằng cho nhà thầu và lập biên bản bàn giao mặt bằng.</i>
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: <i>tối đa 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp.</i> Giải quyết tranh chấp: - <i>Nếu thương lượng không thành công, các Bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo hợp đồng, thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp đó qua Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.</i> - <i>Nhà thầu có thời hạn 56 ngày (kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc Chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.</i> - <i>Thay đổi thủ tục xử lý tranh chấp: Mọi thay đổi về xét xử tranh chấp phải được hai bên thống nhất bằng văn bản trước khi tiến hành xử lý tranh chấp.</i>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: <i>Ngày được thông báo của Chủ đầu tư (bằng văn bản) sau khi đã bàn giao mặt bằng.</i> - Ngày hoàn thành dự kiến: <i>60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.</i>
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng: <i>07 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.</i>
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: <i>14 ngày/lần.</i> - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: <i>20.000.000 VND.</i>
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: <i>Không áp dụng.</i>
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: <i>Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu, mẫu, kết quả kiểm nghiệm, catalogue, biên bản thí nghiệm các loại vật tư, thiết bị trước khi đưa vào công trình.</i> Trong trường hợp cần thiết Chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị kiểm tra thí nghiệm độc lập để đối chứng, nếu kết quả kiểm tra xác định rằng vật tư, thiết bị đó không đảm bảo yêu cầu hợp đồng thì Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí liên quan để khắc phục bao gồm chi phí cho việc thuê đơn vị thí nghiệm độc lập.

	<i>Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho bên mua trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với vật tư cấp cho công trình.</i> - Yêu cầu về thiết bị an toàn lao động như trang bị bảo hộ, dây an toàn,...: Số lượng tối thiểu đảm bảo phục vụ thi công theo phương án được Chủ đầu tư phê duyệt. - Vật tư, máy móc, thiết bị khác: theo yêu cầu của QLDA (nếu có). - Nhà thầu trang bị sim CA/token, đăng ký người ký số khi thực hiện công việc của hợp đồng như: ký số nhật ký thi công, ký số hồ sơ nghiệm thu,...
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: <i>Trộn gói.</i>
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: <i>Cố định.</i>
E-ĐKC 42.1	- Tạm ứng: <i>20% giá trị trước thuế của hợp đồng tại thời điểm ký kết.</i> - Thời gian tạm ứng: <i>Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đầy đủ hồ sơ tạm ứng.</i> - <i>Hồ sơ tạm ứng:</i> + Giấy đề nghị tạm ứng của Nhà thầu: 02 bản gốc; + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng: 01 bản gốc và 01 bản sao chứng thực. + Bảo lãnh tạm ứng với giá trị tương ứng với số tiền đề nghị tạm ứng theo Mẫu qui định trong HSMT: 01 bản gốc và 01 bản sao chứng thực. - Bảo lãnh tạm ứng theo mẫu quy định trong hợp đồng với giá trị tương ứng giá trị được tạm ứng nêu trên và có thời gian hiệu lực đến khi bên Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng. - Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: <i>Nếu Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Chủ đầu tư tối thiểu 21 ngày trước khi bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Nhà thầu không giao nộp đúng hạn, Chủ đầu tư có quyền tịch thu toàn bộ giá trị bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Nhà thầu chi trả.</i> - Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: <i>Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Nhà thầu không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Nhà thầu không bổ sung khoản tiền tương ứng vào bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</i> <i>Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</i> <i>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh.</i> <i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào</i>

	<i>Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh tạm ứng.</i> <i>Nhà thầu phải đảm bảo rằng bảo đảm tiền tạm ứng là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi Chủ đầu tư kết thúc hoàn toàn việc thu hồi tạm ứng.</i> <i>Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.</i> <i>Trường hợp nhà thầu không thực hiện hợp đồng, toàn bộ khoản tạm ứng sẽ được thu hồi thông qua bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng đã phát hành cho nhà thầu.</i>
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: - Hình thức thanh toán: <i>Chuyển khoản 100%. Chi phí chuyển khoản do Nhà thầu chi trả.</i> - Phương thức thanh toán: <i>Thanh toán theo khối lượng thực tế Nhà thầu thực hiện của từng đợt như sau:</i> + Đợt 1: Sau khi hai bên nghiệm thu hoàn thành $\geq 50\%$ giá trị hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 90% giá trị nghiệm thu hoàn thành của đợt 1 (đã bao gồm thuế GTGT); + Đợt 2: Sau khi công trình/gói thầu hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng và Nhà thầu nộp hồ sơ quyết toán hợp lệ, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 90% giá trị còn lại của hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT); + Đợt cuối: Thanh toán 10% giá trị còn lại; trong đó 05% sau khi nhận được bảo lãnh bảo hành của Nhà thầu ; 05% còn lại sau khi có thanh lý hợp đồng. - Thời hạn thanh toán: <i>Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, Chủ đầu tư phải hoàn thành thủ tục thanh toán sau khi thu hồi khoản tiền đã tạm ứng cho Nhà thầu.</i> - Thanh toán trong trường hợp liên danh: <i>Chủ đầu tư không thực hiện nghiệm thu, thanh toán khi các thành viên liên danh thực hiện khối lượng công việc không đúng theo qui định trong hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ thực hiện thanh toán tiền về tài khoản của từng thành viên liên danh. Hồ sơ thanh toán liên danh sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Chủ đầu tư.</i> - Quyết toán và thanh lý hợp đồng: <i>Sau khi Nhà thầu giao nộp hồ sơ quyết toán hợp lệ, Chủ đầu tư sẽ thực hiện kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán hoàn thành công trình.</i> <i>Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định phê duyệt quyết toán công trình, hai bên sẽ thực hiện đối chiếu công nợ, lập thanh lý hợp đồng và thanh toán dứt điểm phần công nợ còn lại.</i>
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: <i>Được phép.</i> Điều chỉnh thuế: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng. <i>Cụ thể như sau:</i>

	- Giai đoạn ký kết hợp đồng, nghiệm thu thanh toán: Giá trị hợp đồng được ký kết với mức thuế GTGT mặc định là 8% theo quy định của Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 (trừ các hàng hóa, dịch vụ, xây lắp, ... mà nhà thầu cung cấp văn bản, tài liệu của cơ quan quản lý thuế hoặc tương đương xác nhận thuế GTGT là 10%). Giá trị thanh toán dựa trên cơ sở hóa đơn GTGT do nhà thầu phát hành tại thời điểm nghiệm thu. Trường hợp tại thời điểm phát hành hóa đơn nếu thuế GTGT là 10% lớn hơn mức 8% theo hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải cung cấp văn bản, tài liệu của cơ quan quản lý thuế hoặc tương đương xác nhận thuế GTGT là 10% để làm cơ sở ký kết phụ lục hợp đồng bổ sung trước khi xuất hóa đơn GTGT.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%-
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: * Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng: - Việc điều chỉnh, bổ sung hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng. - Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Nhà thầu gây ra thì không được phép điều chỉnh. Khối lượng phát sinh hợp lý và được xác định là không phải lỗi của nhà thầu thì sẽ được thanh toán và giá trị phát sinh phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Giá trị phát sinh được tính bằng khối lượng công việc phát sinh nhân với đơn giá phát sinh. Phương pháp xác định giá trị phát sinh như sau: a) Trường hợp công việc phát sinh có đơn giá trong hợp đồng đã ký: - Đối với hợp đồng đơn giá cố định: Giá trị phát sinh được tính bằng khối lượng công việc phát sinh nhân với đơn giá của công việc tương ứng đã có trong hợp đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng trước đó (nếu có). - Đối với hợp đồng trọn gói: Chỉ được điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng thi công xây dựng, hợp đồng cung cấp thiết bị là nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế, yêu cầu của hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu; đối với hợp đồng tư vấn là nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện) và các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 143 Luật xây dựng số 50/2014/QH13. Phương pháp điều chỉnh theo điểm b dưới đây. b) Trường hợp công việc phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng: Trên cơ sở dự toán của công việc phát sinh được lập và phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, các bên tham gia hợp đồng phải thỏa thuận, thống nhất đơn giá và giá trị phát sinh trước khi thực hiện trên nguyên tắc không vượt đơn giá và giá trị dự toán công việc phát sinh đã được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng. ** Điều chỉnh tiến độ: Theo quy định tại điều 30 – Điều kiện chung của hợp đồng.

E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 10% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: <i>Nếu nhà thầu vi phạm về thời gian hoàn thành, chất lượng công việc như quy định tại hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Chủ đầu tư gây ra, nhà thầu sẽ bị phạt hợp đồng do chậm tiến độ, vi phạm chất lượng công việc.</i> 1. Phạt tiến độ thi công: Trong thời gian thực hiện thi công, nhà thầu vi phạm tiến độ cấp 2 thì mức phạt tiến độ của mỗi tuần vi phạm được quy định như sau: + Phạt 1%/tuần phần Hợp đồng bị vi phạm chậm cho mỗi tuần chậm trễ so với tiến độ cấp 2 được duyệt. + Trường hợp do ảnh hưởng các sự kiện bất khả kháng,... ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thi công công trình thì Chủ đầu tư sẽ căn cứ vào tình hình thực tế và đề nghị của Nhà thầu (bằng văn bản) mà xem xét gia hạn tiến độ thi công công trình và gia hạn tiến độ hợp đồng. + Trường hợp do thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư; bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng và các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ mà không do lỗi của nhà thầu gây ra; tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư gây ra thì hai bên sẽ thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh tiến độ hợp đồng. 2. Về vi phạm chất lượng: - Trường hợp nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng công trình, ngoài việc bồi thường mọi kinh phí sửa chữa theo quy định tại E-ĐKC 49.2, nếu việc sửa chữa phải kéo dài thời gian hoàn thành theo tiến độ cấp 2 được duyệt hoặc thời gian hoàn thành công trình dẫn đến chậm trễ tiến độ của công trình thì mức phạt được tiếp tục áp dụng như xử lý phạt do chậm tiến độ ở khoản 1 nói trên. 3. Phạt tiến độ quyết toán hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ hợp đồng, Nhà thầu phải trình hồ sơ quyết toán hợp lệ cho Chủ đầu tư để thẩm tra, phê duyệt. Biên chế hồ sơ quyết toán theo quy định của chủ đầu tư. Mức phạt nộp hồ sơ quyết toán chậm: + Chậm trễ 10 ngày đầu, mỗi ngày phạt 0,1%/ngày; + Các ngày tiếp theo phạt 0,15%/ngày. <i>Mức phạt hợp đồng không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.</i> 4. Trong trường hợp Nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực, Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng và chủ đầu tư sẽ đánh giá uy tín của Nhà thầu theo quy định. <i>Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng nếu sau 02 lần phải điều chỉnh tiến độ cấp 2 (đã được Chủ đầu tư chấp thuận) mà nhà thầu vẫn tiếp tục không đạt tiến độ cấp 2 (Mỗi lần điều chỉnh tiến độ, Chủ đầu tư gửi nhà thầu 01 văn bản cảnh báo).</i>

	5. Nếu Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ hoàn thành Hợp đồng theo tiến độ quá 56 ngày hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đảm bảo chất lượng công trình, Chủ đầu tư có quyền đề nghị chấm dứt Hợp đồng, Nhà thầu sẽ bị phạt như trường hợp không thực hiện Hợp đồng. 6. Đơn vị QLDA và đơn vị giám sát sẽ kiểm tra và không cho Nhà thầu triển khai thi công trong mọi trường hợp nếu chưa đảm bảo về số lượng và thành phần nhân sự được nêu trong hợp đồng, đồng thời sẽ có văn bản thông báo cho Nhà thầu lý do, mời Nhà thầu vào làm việc và có hướng khắc phục; - Nếu Nhà thầu vi phạm về việc đảm bảo về số lượng và thành phần nhân sự được nêu trong hợp đồng được đơn vị QLDA gửi thông báo bằng văn bản đến 3 lần (3 lần vi phạm), chủ đầu tư/QLDA thực hiện chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu. 7. Ngoài việc bị phạt theo các quy định nêu trên, nhà thầu sẽ bị đánh giá về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: <i>Áp dụng.</i> Đối với các công trình khác: * Bồi thường <i>toàn bộ thiệt hại thực tế và các thiệt hại thực tế khác có liên quan</i> do hành vi vi phạm gây ra không giới hạn giá trị, xác định trên cơ sở những thiệt hại Chủ đầu tư phải gánh chịu do vi phạm của nhà thầu, bao gồm nhưng không giới hạn: + Các chi phí chủ đầu tư phải thanh toán để khắc phục hậu quả do vi phạm: sửa chữa, thay thế, kể cả thuê bên thứ ba thực hiện khắc phục một phần hoặc toàn bộ hậu quả. + Các chi phí phát sinh khác chủ đầu tư phải trả cho bên thứ ba do hành vi vi phạm của nhà thầu (ví dụ: giám định, luật sư, phiên dịch, kiểm toán,...). + Các khoản thu nhập, lợi nhuận Chủ đầu tư có thể được hưởng, nhưng bị mất đi do hành vi vi phạm của nhà thầu. + Các chi phí có liên quan khác. Phương thức bồi thường: <i>Chủ đầu tư sẽ trừ tiền bồi thường thiệt hại vào giá trị còn lại của hợp đồng chưa thanh toán của nhà thầu hoặc yêu cầu nhà thầu thanh toán cho chủ đầu tư phần giá trị tiền bồi thường thiệt hại.</i>
E-ĐKC 49.3	Thuởng hợp đồng: <i>Không áp dụng.</i>
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: <i>Ngày dự kiến hoàn thành cộng thêm 05 ngày.</i>
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: <i>Trước ngày dự kiến hoàn thành cộng thêm 05 ngày.</i>
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: <i>2.000.000 VND.</i>
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong vòng <i>30 ngày</i> kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.